

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Bà Cecilia T. Cruzabra	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)
Ông Ferdinand Dela Cruz	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Lawrence G. Velasco	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên
Bà Victoria P. Sugapong	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Alvin S.Evangelista	Giám đốc Kiểm soát tài chính

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

712
ÔNG
TNI
TOÁN
HI N
ÀI
7-T

Số: 1182/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Theo đó, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 25 tháng 3 năm 2020.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: N.4184-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138.091.842.691	288.481.401.797
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.826.577.838	6.097.646.180
1. Tiền	111		1.826.577.838	6.097.646.180
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	51.284.800.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.11a	-	51.284.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.643.015.481	198.505.354.370
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.517.444.339	7.619.752.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	137.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	76.596.727.985	50.657.499.955
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	49.100.868.757	142.083.011.433
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(23.604.338.271)	(3.024.221.919)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.032.312.671	1.032.312.671
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	5.562.599.500	12.695.660.264
1. Hàng tồn kho	141		5.562.599.500	12.695.660.264
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.059.649.872	19.897.940.983
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	7.772.479	370.592.028
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.368.907.435	9.844.378.997
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	9.682.969.958	9.682.969.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.614.645.471.738	2.680.725.226.435
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		243.400.000	238.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	243.400.000	238.400.000
II. Tài sản cố định	220		1.566.837.764.596	1.619.601.307.788
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.565.296.540.295	1.617.875.048.059
- Nguyên giá	222		1.813.623.248.439	1.800.151.302.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(248.326.708.144)	(182.276.254.014)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.541.224.301	1.726.259.729
- Nguyên giá	228		1.850.354.180	1.850.354.180
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(309.129.879)	(124.094.451)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		238.905.197	2.415.563.635
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	238.905.197	2.415.563.635
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11b	1.037.324.902.762	1.052.782.693.041
1. Đầu tư vào công ty con	251		819.400.000.000	839.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		139.259.788.611	119.659.788.611
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		143.153.395.000	143.153.395.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(64.488.280.849)	(49.830.490.570)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.000.499.183	5.687.261.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.330.455.892	5.687.261.971
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.12	6.670.043.291	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.752.737.314.429	2.969.206.628.232

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.763.914.140.702	1.882.386.070.047
I. Nợ ngắn hạn	310		348.676.534.690	328.727.764.040
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	29.761.331.156	28.676.431.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	178.969.304	81.064.029.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	148.420.839	566.407.237
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	11.182.271.836	15.440.335.317
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	838.987.630	1.495.651.669
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	304.920.699.995	200.590.700.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.645.853.930	894.208.737
II. Nợ dài hạn	330		1.415.237.606.012	1.553.658.306.007
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	850.000.000.000	850.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	565.237.606.012	703.658.306.007
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	988.823.173.727	1.086.820.558.185
I. Vốn chủ sở hữu	410		988.823.173.727	1.086.820.558.185
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.160.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.160.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	162.330.434.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.623.462.173	14.050.117.118
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		165.167.119.954	265.280.007.067
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		260.133.316.957	255.489.579.007
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(94.966.197.003)	9.790.428.060
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.752.737.314.429	2.969.206.628.232



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Phùng Thị Thắm
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82.840.933.999	63.019.665.902
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		82.840.933.999	63.019.665.902
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	127.774.106.394	117.057.527.313
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(44.933.172.395)	(54.037.861.411)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	97.686.798.877	41.735.582.024
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	100.557.989.216	143.522.595.571
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		85.016.128.417	87.823.684.648
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.559.881.013	8.836.095.459
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	38.553.829.073	21.757.563.630
10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(95.918.072.820)	(186.418.534.047)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	973.056.546	200.516.698.174
12. Chi phí khác	32		21.180.729	1.024.458.418
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		951.875.817	199.492.239.756
14. (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(94.966.197.003)	13.073.705.709
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	3.283.277.649
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(94.966.197.003)	9.790.428.060



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Phùng Thị Thắm
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(94.966.197.003)	13.073.705.709
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	66.235.489.558	64.957.383.109
Các khoản dự phòng	03	35.237.906.631	49.702.464.471
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(97.297.467.271)	(36.637.663.351)
Chi phí lãi vay	06	85.775.428.417	88.582.984.648
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.014.839.668)	179.678.874.586
Giảm các khoản phải thu	09	751.541.953	13.814.915.428
Giảm hàng tồn kho	10	463.017.473	955.542.105
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.075.966.002)	(192.310.840.804)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	2.719.625.628	(104.485.095)
Tiền lãi vay đã trả	14	(86.209.258.467)	(88.287.445.591)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(22.024.573.237)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.382.699.862)	(5.550.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(90.748.578.945)	(108.283.563.410)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.183.066.414)	(29.181.290.425)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.100.000.000)	(19.518.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	80.600.000.000	40.000.000.000
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	107.103.825
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.907.419.417	22.673.318.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	121.224.353.003	14.081.132.169

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	103.157.600	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	193.300.000.000	124.100.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(228.150.000.000)	(145.205.765.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.746.842.400)	(21.105.765.253)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.271.068.342)	(115.308.196.494)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.097.646.180	121.405.842.674
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	1.826.577.838	6.097.646.180



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Phùng Thị Thảo
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 129 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 137).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; sản xuất thiết bị điện khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); sản xuất sản phẩm từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R14b sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b); hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra năm có liên quan đến Báo cáo tài chính riêng

Ngày 10 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cho Công ty Cổ phần Ngành nước DNP theo hợp đồng đã ký kết trước đó.

Trong năm Công ty đã thực hiện thoái vốn trong Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê từ 51% xuống 49%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu (6) công ty con và hai (2) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (i)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 210.584.691.999 VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị thâm hụt trong nhiều kỳ kế toán liên tục. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có kế hoạch chuyển nhượng vốn tại các công ty con và các phương án phù hợp để huy động vốn nhằm đáp ứng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn và nghĩa vụ tài chính, đảm bảo hoạt động của Công ty được diễn ra liên tục. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là các thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường nên không được phân loại là hàng tồn kho. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính phục vụ cho quy trình quản lý và sản xuất nước sạch, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

1712
CÔNG
TN
TOÁN
HI N
SÀI
H-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động...

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

001-C.
TY
QUỐC T
ÁNH
ÒN
HỒ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Trái phiếu phát hành (tiếp theo)**

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong năm theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quý.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. TIỀN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	72.199.107	214.824.489
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.754.378.731	5.882.821.691
Cộng	1.826.577.838	6.097.646.180

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn huyện Củ Chi	6.717.444.339	6.388.038.940
Các đối tượng khác	800.000.000	-
Phải thu là bên liên quan	-	1.231.713.290
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	-	1.231.713.290
Cộng	7.517.444.339	7.619.752.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (i)	71.644.417.355	46.379.499.955
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	4.852.310.630	4.178.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	100.000.000	100.000.000
Cộng	76.596.727.985	50.657.499.955

(i) Đây là khoản hỗ trợ vốn với hạn mức 73,2 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2021.

(ii) Đây là khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

4. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu tiền từ chuyển nhượng dự án đầu tư (i)	20.700.373.374	101.300.373.374
Phải thu tiền lãi trả chậm (i)	28.349.495.383	34.012.722.132
Tạm ứng cho nhân viên	40.000.000	30.000.000
Phải thu về cổ tức được chia	-	6.300.000.000
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi tiết kiệm	-	177.153.427
Phải thu ngắn hạn khác	11.000.000	262.762.500
Cộng	49.100.868.757	142.083.011.433
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	243.400.000	238.400.000
Trong đó, phải thu khác với bên liên quan		
Công ty CII	49.049.868.757	135.313.095.506
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	-	6.300.000.000
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	-	177.153.427
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	11.000.000	-
Cộng	49.060.868.757	141.790.248.933

(i) Đây là số dư phải thu Công ty CII từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào dự án Diamond Riverside. Công ty CII phải thanh toán lãi trả chậm cho Công ty với lãi suất trong năm là 9,1%/năm.

101-C.1
Y
1
QUỐC T
ẢNH
ĐN
HỒ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.107.446.325	235.027.311	(4.872.419.014)	7.619.752.230	4.595.530.311	(3.024.221.919)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	63.558.672.894	44.826.753.637	(18.731.919.257)	-	-	-
Cộng	68.666.119.219	45.061.780.948	(23.604.338.271)	7.619.752.230	4.595.530.311	(3.024.221.919)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.562.599.500	-	12.695.660.264	-
Cộng	5.562.599.500	-	12.695.660.264	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.568.179	43.387.728
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.204.300	327.204.300
Cộng	7.772.479	370.592.028
b. Dài hạn		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	2.779.854.582	5.546.204.634
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.677.277	14.153.201
Chi phí trả trước dài hạn khác	540.924.033	126.904.136
Cộng	3.330.455.892	5.687.261.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	96.532.991.903	1.702.205.301.079	1.413.009.091	1.800.151.302.073
Mua sắm trong năm	-	430.894.432	-	430.894.432
Xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	-	13.041.051.934	-	13.041.051.934
Tại ngày 31/12/2020	96.532.991.903	1.715.677.247.445	1.413.009.091	1.813.623.248.439
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	14.478.485.842	167.559.383.930	238.384.242	182.276.254.014
Khấu hao trong năm	4.826.721.624	61.070.931.598	152.800.908	66.050.454.130
Tại ngày 31/12/2020	19.305.207.466	228.630.315.528	391.185.150	248.326.708.144
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	82.054.506.061	1.534.645.917.149	1.174.624.849	1.617.875.048.059
Tại ngày 31/12/2020	77.227.784.437	1.487.046.931.917	1.021.823.941	1.565.296.540.295

(i) Trong năm, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hoàn thành đưa vào sử dụng hạng mục đầu tư mở rộng dự án Củ Chi với giá trị là 13.041.051.934 VND.

Tài sản cố định hữu hình của công ty chủ yếu được hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ VND, trong đó vốn ngân sách Nhà nước là 600.000.000.000 VND, Dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.795.975.020.258 VND, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.342.147.423.599 VND và giai đoạn 2 là 453.827.596.659 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 822.399.996 VND.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 1.795.975.020.258 VND (xem thêm tại Thuyết minh V.18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**Chương trình
phần mềm
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 01/01/2020 và ngày 31/12/2020

1.850.354.180

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại ngày 01/01/2020

124.094.451

Khấu hao trong năm

185.035.428

Tại ngày 31/12/2020**309.129.879****Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2020

1.726.259.729

Tại ngày 31/12/2020**1.541.224.301**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 1.760.000.000 VND (*xem thêm tại Thuyết minh V.18*).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG31/12/2020
VND01/01/2020
VND

Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi

238.905.197

2.415.563.635

Cộng**238.905.197****2.415.563.635**

Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi được thực hiện trong năm 2020 với tổng mức vốn đầu tư là 23 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã ghi nhận tăng nguyên giá tài sản đã hoàn thành đưa vào sử dụng với giá trị là 13.041.051.934 VND.

1177
CỔ
T
MTO
CHI
SÀ
NH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2020			01/01/2020				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a. Ngắn hạn								
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	-	-	-	-	3.374.000	51.284.800.000	-	80.976.000.000
b. Dài hạn								
Đầu tư vào công ty con								
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)	32.117.400	321.174.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	-	220.000.000.000	-	(i)	-	220.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)	9.180.000	121.176.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)	9.000.000	105.000.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000	(44.888.280.849)	(i)	4.950.000	49.500.000.000	(36.032.352.465)	(i)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000	-	(i)	25.500	2.550.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	-	-	-	(i)	2.040.000	20.400.000.000	(13.798.138.105)	(i)
Cộng	55.272.900	819.400.000.000	(44.888.280.849)		57.312.900	839.800.000.000	(49.830.490.570)	

Vốn điều lệ đã góp vào các Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN đã được các công ty con sử dụng để góp vốn hợp tác đầu tư với công ty mẹ (xem chi tiết tại Thuyết minh V.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31/12/2020			01/01/2020				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
b. Dài hạn (tiếp theo)								
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết								
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)	10.320.000	119.659.788.611	-	(i)
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (ii)	1.960.000	19.600.000.000	(19.600.000.000)	(i)	-	-	-	(i)
Cộng	12.280.000	139.259.788.611	(19.600.000.000)		10.320.000	119.659.788.611	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	409.114	143.153.395.000	-	(i)	409.114	143.153.395.000	-	(i)

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.
- (ii) Ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã thoái vốn một phần khỏi Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê nhằm mục đích tái cơ cấu danh mục đầu tư, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này giảm từ 51% xuống còn 49%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12. THIẾT BỊ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	6.670.043.291	-	-	-
Cộng	6.670.043.291	-	-	-

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhà cung cấp khác	29.761.331.156	29.761.331.156	26.814.230.812	26.814.230.812
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	17.600.875.957	17.600.875.957	17.690.676.615	17.690.676.615
Manila Water South Asia Holdings PTE.Ltd.	7.556.736.891	7.556.736.891	4.886.899.391	4.886.899.391
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.248.277.836	3.248.277.836	3.248.277.836	3.248.277.836
Các nhà cung cấp khác	1.355.440.472	1.355.440.472	988.376.970	988.376.970
Bên liên quan	-	-	1.862.200.868	1.862.200.868
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	-	-	1.862.200.868	1.862.200.868
Cộng	29.761.331.156	29.761.331.156	28.676.431.680	28.676.431.680

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	-	80.976.000.000
Khách hàng lẻ	178.969.304	88.029.400
Cộng	178.969.304	81.064.029.400

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.682.969.958	-	-	9.682.969.958
b. Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	122.282.833	692.550.137	689.901.105	124.931.865
Thuế tài nguyên	4.335.740	43.355.671	47.691.411	-
Phí bảo vệ môi trường	439.788.664	3.353.704.390	3.770.004.080	23.488.974
Thuế nhà thầu	-	257.400.000	257.400.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	566.407.237	4.350.010.198	4.767.996.596	148.420.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay	10.821.195.284	11.975.023.964
Trích trước chi phí quản lý, vận hành dự án		
Củ Chi	-	1.925.000.000
Các khoản trích trước khác	361.076.552	1.540.311.353
Cộng	11.182.271.836	15.440.335.317
17. PHẢI TRẢ KHÁC	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	3.698.630	43.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	617.362.669
Cộng	838.987.630	1.495.651.669
<i>Trong đó, phải trả khác với bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	3.698.630	-
Cộng	3.698.630	-
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
b. Dài hạn		
Vốn hợp tác đầu tư (i)	850.000.000.000	850.000.000.000
<i>Trong đó, phải trả khác với bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	630.000.000.000	630.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	220.000.000.000	220.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	-	43.000.000
Cộng	850.000.000.000	850.043.000.000

(i) Chi tiết khoản vốn hợp tác đầu tư bao gồm:

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi với số tiền 630 tỷ VND để thực hiện Dự án đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch trên địa bàn huyện Củ Chi.

Nhận vốn hợp tác đầu tư từ Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN với số tiền 220 tỷ VND, theo đó Công ty sẽ tìm kiếm các công ty hoạt động trong ngành nước và các ngành liên quan đến ngành nghề kinh doanh của các bên để đầu tư dưới hình thức mua lại cổ phần, phần vốn góp nhằm mục đích tham gia quản lý điều hành tại công ty mục tiêu. Công ty sẽ phân chia lợi nhuận khi nhận được lợi nhuận từ công ty mục tiêu theo tỷ lệ 50:50 với Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay bên liên quan						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	160.500.000.000	160.500.000.000	185.300.000.000	80.600.000.000	55.800.000.000	55.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	-	-	-	25.800.000.000	25.800.000.000	25.800.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kìa	5.000.000.000	5.000.000.000	7.000.000.000	4.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Khoản vay các bên khác						
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh b)	54.180.000.000	54.180.000.000			32.250.000.000	32.250.000.000
Trái phiếu đến hạn (xem thuyết minh b)	84.240.699.995	85.000.000.000			84.240.700.000	85.000.000.000
Cộng	304.920.699.995	305.680.000.000	193.300.000.000	110.900.000.000	200.590.700.000	201.350.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	619.417.606.012	619.417.606.012	-	32.250.000.000	651.667.606.012	651.667.606.012
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(54.180.000.000)	(54.180.000.000)			(32.250.000.000)	(32.250.000.000)
Trái phiếu						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	85.000.000.000	85.000.000.000	-	85.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
Chi phí phát hành	(759.300.000)	-	-	759.300.000	(1.518.600.005)	-
Cộng	84.240.700.000	85.000.000.000	-	118.009.300.000	168.481.399.995	170.000.000.000
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng	(85.000.000.000)	(85.000.000.000)			(85.000.000.000)	(85.000.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển trong 12 tháng	759.300.000	-			759.300.000	-
Cộng	565.237.606.012	565.237.606.012	-	118.009.300.000	703.658.306.007	704.417.606.012



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG** (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

<u>Bên cho vay</u>	<u>Số dư</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	160.500.000.000	12 tháng	23/05/2021	Lãi suất trong kỳ cố định 10%/năm	Thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu và bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Công ty Cổ Phần Cấp Nước Sài Gòn Đan Kia	5.000.000.000	3 tháng	29/03/2021	9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	6 tháng	30/06/2021	9,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi số: 068704060007823 với số tiền 1,1 tỷ đồng thuộc sở hữu của công ty CII.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	454.997.939.474 164.419.666.538	126 tháng 180 tháng	06/04/2026 28/06/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,1% và 9,8% theo từng khế ước	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi. Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn đầu tư vào dự án Diamond Riverside ký ngày 26 tháng 8 năm 2013 với Công ty CII.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành

(i) *Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh:*

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ VND trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 của Dự án Củ Chi và 220 tỷ VND đã được sử dụng để góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN.

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con, công ty liên kết để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	103.200.000.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	9.180.000	91.800.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Cộng	65.592.900	658.224.000.000

Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	54.180.000.000	32.250.000.000
Trong năm thứ hai	65.020.000.000	54.180.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	299.350.000.000	258.380.000.000
Sau năm năm	200.867.606.012	306.857.606.012
	619.417.606.012	651.667.606.012
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(54.180.000.000)	(32.250.000.000)
Cộng	565.237.606.012	619.417.606.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Lịch thanh toán trái phiếu:**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Trong năm thứ hai	-	85.000.000.000
Cộng	85.000.000.000	170.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(85.000.000.000)	(85.000.000.000)
Trừ: các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	-	(759.300.005)
Số phải trả sau 12 tháng	-	84.240.699.995

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	645.160.000.000	162.330.434.000	11.906.476.034	259.776.861.175	1.079.173.771.209
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.790.428.060	9.790.428.060
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.143.641.084	(2.143.641.084)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.143.641.084)	(2.143.641.084)
Tại ngày 31/12/2019	645.160.000.000	162.330.434.000	14.050.117.118	265.280.007.067	1.086.820.558.185
Tăng vốn trong năm	61.040.000	(518.882.400)	-	-	(457.842.400)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(94.966.906.503)	(94.966.906.503)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	2.573.345.055	(2.573.345.055)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(2.573.345.055)	(2.573.345.055)
Tại ngày 31/12/2020	645.221.040.000	161.811.551.600	16.623.462.173	165.166.410.454	988.822.464.227

(i) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ-SGW ngày 27 tháng 4 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.516.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.516.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ) + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.516.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu	64.522.104	64.516.000

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2020, Công ty không chia cổ tức năm 2019.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	80.663.895.376	59.914.979.435
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.177.038.623	3.104.686.467
Cộng	82.840.933.999	63.019.665.902

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	125.929.716.240	114.907.126.261
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.844.390.154	2.150.401.052
Cộng	127.774.106.394	117.057.527.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2020 VND	2019 VND
Cổ tức được chia	54.622.280.000	23.984.052.000
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính (i)	29.691.200.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.741.652.377	4.893.196.049
Lãi chậm thanh toán	6.242.334.894	12.858.333.975
Chiết khấu thanh toán	389.331.606	-
Cộng	97.686.798.877	41.735.582.024

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	6.242.334.894	13.065.457.263
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	46.440.000.000	10.320.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	6.164.917.400	3.330.282.702
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	497.157.203	177.153.427
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	-	6.300.000.000
Cộng	59.344.409.497	33.192.893.392

(i) Lãi từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	85.016.128.417	87.823.684.648
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư	14.657.790.279	49.830.490.570
Lỗ từ thoái vốn công ty con	-	5.097.918.673
Chi phí phát hành trái phiếu	759.300.000	759.300.000
Chi phí tài chính khác	124.770.520	11.201.680
Cộng	100.557.989.216	143.522.595.571

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	11.905.561.643	3.110.356.164
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	172.000.000	43.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	3.698.630	-
Cộng	12.077.561.643	3.153.356.164

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	8.835.689.609	8.011.859.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.836.332	346.245.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	410.546.092	329.251.027
Các khoản chi phí khác	4.808.980	148.739.804
Cộng	9.559.881.013	8.836.095.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.284.079.698	13.773.744.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	599.856.915	357.478.788
Chi phí dự phòng	20.580.116.352	-
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	1.265.000.000	-
Các khoản chi phí khác	3.824.776.108	7.626.340.361
Cộng	38.553.829.073	21.757.563.630

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	916.097.244	921.966.099
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	60.000.000	210.000.000
Cộng	976.097.244	1.131.966.099

7. THU NHẬP KHÁC

	2020 VND	2019 VND
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	973.056.546	-
Phân bổ khoản hỗ trợ của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	-	200.000.000.008
Các khoản thu nhập khác	-	516.698.166
Cộng	973.056.546	200.516.698.174

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2020 VND	2019 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(94.966.197.003)	13.073.705.709
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	58.589.154.510	27.249.722.534
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(54.622.280.000)	(23.984.052.000)
Thu nhập chịu thuế	(90.999.322.493)	16.339.376.243
(Lỗ)/thu nhập tính thuế	(90.999.322.493)	16.339.376.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	3.267.875.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	-	15.402.400
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.283.277.649

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi của Công ty được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, tuy nhiên không có dòng tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm nay do Công ty đã nhận trước tiền chuyển nhượng trong các kỳ trước.

2. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty con
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	185.300.000.000	95.800.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	30.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	30.000.000.000
	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	19.100.000.000	15.290.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	7.000.000.000	4.500.000.000
Trả tiền hỗ trợ vốn	4.500.000.000	4.500.000.000
Nhận tiền cổ tức	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro		
Mua tài sản cố định	413.444.432	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	1.000.000.000	-
Trả tiền hỗ trợ vốn	1.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	4.178.000.000
Lãi hỗ trợ vốn nhập gốc	674.310.630	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp		
Trả tiền hỗ trợ vốn	25.800.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	25.800.000.000
Nhận tiền cổ tức	46.440.000.000	10.320.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm		
	2020 VND	2019 VND
Lương	4.300.700.000	4.036.600.000
Thưởng và các khoản thu nhập khác	903.576.500	917.938.300
Cộng	5.204.276.500	4.954.538.300

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính riêng.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác.



Hồ Thị Xuân
Người lập biểu



Phùng Thị Thẩm
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021